

BÁO CÁO

Sơ kết công tác 6 tháng đầu năm và kế hoạch công tác 6 tháng cuối năm 2023

PHẦN I

KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÔNG TÁC THÁNG 6 ĐẦU NĂM

I. TÌNH HÌNH CHUNG

Sáu tháng đầu năm, tình hình sản xuất nông nghiệp trên địa bàn tỉnh có một số thuận lợi và khó khăn đan xen như: Nguồn nước ngọt đáp ứng được nhu cầu sản xuất và sinh hoạt, các loại bệnh nguy hiểm trên cây trồng, thủy sản nuôi cơ bản được kiểm soát; sản lượng hoa màu, cây ăn trái, thủy sản nuôi đạt khá và cao hơn cùng kỳ, giá một số loại phân bón giảm; giá lúa, cua biển, cá tra giữ ở mức cao; tình hình thiệt hại trên tôm nuôi vẫn tiếp tục xảy ra nhưng thấp hơn cùng kỳ. Tuy nhiên, nhiệt độ chênh lệch giữa ngày và đêm lớn ảnh hưởng đến sự sinh trưởng và phát triển của các loại vật nuôi và thủy sản; nguồn vật tư đầu vào phục vụ sản xuất (thuốc thú y, thức ăn chăn nuôi, thuốc BVTV...) ở mức cao làm tăng giá thành sản phẩm; giá tôm thương phẩm giảm mạnh, giá heo hơi, bò hơi không ổn định, thường ở mức thấp (hiệu quả sản xuất không cao); thị trường tiêu thụ nông sản gặp nhiều khó khăn được mùa thì mất giá (dừa, xoài, cam sành,...). Nhưng được sự quan tâm lãnh, chỉ đạo của Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh, sự hỗ trợ của các ngành, các cấp, đặc biệt là sự nỗ lực vượt khó của nông dân nên sản xuất nông nghiệp duy trì được mức độ tăng trưởng, cụ thể như sau:

II. NHỮNG KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC

1. Công tác tham mưu, chỉ đạo điều hành

Tham mưu Ủy Ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân ban hành ban hành 01 Nghị quyết⁽¹⁾; hoàn chỉnh chuẩn bị trình Hội đồng nhân dân thông qua 02 Nghị quyết⁽²⁾; thực hiện các bước xây dựng 01 Nghị quyết⁽³⁾.

Trình Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành 21 Quyết định⁽⁴⁾; 03 Kế hoạch⁽⁵⁾, đang trình 08 Quyết định⁽⁶⁾; 10 Kế hoạch⁽⁷⁾.

⁽¹⁾ Số 01/2023/HĐND ngày 27/02/2023 ban hành mức chi thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới, giai đoạn 2021 – 2025.

⁽²⁾ Quy định nội dung hỗ trợ, mẫu hồ sơ, trình tự, thủ tục lựa chọn dự án, kế hoạch, phương án sản xuất, lựa chọn đơn vị đặt hàng trong thực hiện các hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc các Chương trình MTQG gia giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh; quyết định chủ trương chuyển đổi mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác để thực hiện dự án Đường hành lang ven biển phát triển du lịch biển ba Động và Nhà máy Điện gió Duyên Hải.

⁽³⁾ Ban hành cơ chế, chính sách hỗ trợ để thực hiện các nội dung, giải pháp của Chương trình Bó trí dân cư tại tỉnh theo điểm d khoản 7 mục VI Điều 1, Quyết định số 590/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ.

Xin chủ trương xây dựng Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc ban hành nội dung hỗ trợ, mẫu hồ sơ, trình tự, thủ tục lựa chọn dự án, kế hoạch, phương án sản xuất, lựa chọn đơn vị đặt hàng trong thực hiện các hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 – 2030, giai đoạn I từ năm 2021 đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh; xây dựng Kế hoạch thực hiện các Chuyên

(4) Số 01/2023/QĐ-UBND ngày 12/01/2023 quy định bảo đảm yêu cầu phòng, chống thiên tai đối với việc quản lý, vận hành, sử dụng công trình; số 57/QĐ-UBND ngày 12/01/2023 điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án nuôi trồng thủy vi tảo kết hợp điện mặt trời; số 59/QĐ-UBND ngày 12/01/2023 điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án khu nuôi tôm Thông Thuận; số 104/QĐ-UBND ngày 27/01/2023 kiện toàn Ban Chỉ đạo chuyên Trung tâm Nước sạch và VSMTNT thành công ty cổ phần; số 117/QĐ-UBND ngày 06/02/2023 đặt hàng cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi năm 2023; số 140/QĐ-UBND ngày 13/02/2023 phê duyệt danh mục công trình sửa chữa lớn và sửa chữa thường xuyên công trình thủy lợi bằng nguồn kinh phí hỗ trợ sử dụng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi năm 2023; số 192/QĐ-UBND ngày 21/02/2023 xác lập quyền sở hữu toàn dân đối với tài sản động vật rừng do cá nhân tự nguyện giao nộp; số 193/QĐ-UBND ngày 21/02/2023 phê duyệt Phương án xử lý đối với tài sản động vật rừng do cá nhân tự nguyện giao nộp; số 226/QĐ-UBND ngày 28/02/2023 ban hành giá cây trồng để làm cơ sở quyết định mức bồi thường thiệt hại khi Nhà nước thu hồi đất thực hiện dự án Nghĩa trang nhân dân cụm Nhị Long – Đại Phước; số 265/QĐ-UBND ngày 03/3/2023 tổng hợp diễn biến rừng trên địa bàn tỉnh đến năm 2022; số 341/QĐ-UBND ngày 21/3/2023 công bố tình huống khẩn cấp sự cố sạt lở bờ biển khu vực Cồn Nhân tại ấp Đông Thành và ấp Hồ Thùng, xã Đông Hải, huyện Duyên Hải; số 530/QĐ-UBND ngày 17/4/2023 cho Trung tâm Nước sạch và VSMT NT trực thuộc Sở Nông nghiệp và PTNT thuê 854,2 m² đất, tại xã Hòa Minh để tiếp tục sử dụng công trình Trạm cấp nước 02 xã Long Hòa - Hòa Minh; số 531/QĐ-UBND ngày 17/4/2023 cho Trung tâm Nước sạch và VSMT NT trực thuộc Sở Nông nghiệp và PTNT, thuê 296,8 m² đất, tại xã Ninh Thới; số 543/QĐ-UBND ngày 18/4/2023 phê duyệt Kế hoạch phòng chống thiên tai năm 2023; số 554/QĐ-UBND ngày 19/4/2023 công nhận kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh; số 586/QĐ-UBND ngày 25/4/2023 Ban hành Danh mục và phương thức thực hiện dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước thuộc lĩnh vực hoạt động kinh tế nông nghiệp và PTNT; số 590/QĐ-UBND ngày 26/4/2023 phê duyệt danh mục công trình duy tu, bảo dưỡng và khắc phục sạt lở công trình đê điều trên địa bàn tỉnh năm 2023; số 609/QĐ-UBND ngày 26/4/2023 Thành lập Đoàn kiểm tra, đánh giá kết quả thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp chống khai thác hải sản bất hợp pháp, không khai báo và không theo quy định, chuẩn bị làm việc với Đoàn thanh tra của Ủy ban Châu Âu lần thứ 4; số 607/QĐ-UBND ngày 26/4/2023 điều chỉnh nội dung tiêu chí trong Bộ tiêu chí áp NTM kiểu mẫu trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2021 - 2025 kèm theo Quyết định số 2122/QĐ-UBND ngày 04/11/2022 của UBND tỉnh; số 627/QĐ-UBND ngày 27/4/2023 quyết định giá cây trồng để tính tiền bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất thực hiện thực hiện Tiểu dự án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư thuộc Dự án đầu tư xây dựng cầu Đại Ngãi trên Quốc lộ 60 thuộc địa phận các tỉnh Trà Vinh - Sóc Trăng; số 31/QĐ-BCĐ ngày 11/5/2023 Ban hành Quy chế hoạt động của BCĐ giải phóng mặt bằng, bố trí tái định cư dự án Hạ tầng hồ chứa nước ngọt dọc bờ sông Láng Thè (giai đoạn 1); số 685/QĐ-UBND ngày 05/5/2023 kiện toàn Hội đồng đánh giá, phân hạng sản phẩm OCOP cấp tỉnh.

(5) Kế hoạch số 14/KH-UBND ngày 27/02/2023 Kế hoạch thực hiện Chương trình hành động số 37-CTr/TU ngày 19/10/2022 của Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TW Hội nghị lần thứ năm BCHTW Đảng khóa XIII về nông nghiệp, nông dân, nông thôn năm 2023, tầm nhìn đến năm 2045; số 543/QĐ-UBND ngày 18/4/2023 phê duyệt Kế hoạch Phòng, chống thiên tai năm 2023; số 39/KH-UBND ngày 25/4/2023 Kế hoạch Chương trình mỗi xã một sản phẩm năm 2023.

(6) Rà soát và đề xuất các dự án kêu gọi đầu tư trong lĩnh vực nông nghiệp và PTNT; báo cáo đề xuất dự án chống chịu khí hậu và chuyển đổi tổng hợp vùng đồng bằng sông Cửu Long trên địa bàn tỉnh Trà Vinh; quy định nội dung, mức hỗ trợ phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp thuộc Chương trình MTQG gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025; ban hành quy định chính sách hỗ trợ đầu tư phát triển làng nghề, ngành nghề nông thôn trên địa bàn tỉnh; 02 quyết định quy định đơn giá bồi thường, hỗ trợ khác đối với các hộ nuôi tôm thâm canh mật độ cao, đơn giá cây trồng khi Nhà nước thu hồi đất thực hiện công trình dự án trên địa bàn tỉnh; quyết định đào tạo nghề nông nghiệp cho lao động nông thôn đến năm 2025; phê duyệt Đề cương dự án thí điểm Mô hình xây dựng chuỗi giá trị sản phẩm OCOP Mật Hoa dừa.

(7) Kế hoạch thực hiện Chương trình mục tiêu phát triển Lâm nghiệp bền vững giai đoạn 2023 – 2025; Kế hoạch triển khai thực hiện Chương trình tăng cường bảo vệ môi trường, ATTP và cấp nước sạch nông thôn trong xây dựng NTM giai đoạn 2021-2025; kế hoạch chương trình Khuyến nông năm 2023; kế hoạch đảm bảo ATTP, nâng cao chất lượng nông, lâm, thủy sản năm 2023; kế hoạch thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp chống khai thác IUU, chuẩn bị làm việc với Đoàn Thanh tra của EC lần thứ 4; kế hoạch thực hiện Chương trình khoa học và công nghệ phục vụ xây dựng NTM năm 2023; kế hoạch thực hiện Chương trình Truyền thông phục vụ xây dựng NTM năm 2023; kế hoạch huyện Cầu Kè, Tiểu Cần đạt chuẩn NTM nâng cao trước năm 2025; kế hoạch thực hiện Chương trình chuyển đổi số trong xây dựng NTM hướng tới NTM thông minh năm 2023; kế hoạch Chương trình phát triển du lịch nông thôn trong xây dựng NTM năm 2023.

đề phục vụ xây dựng NTM năm 2023; đề xuất nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia thuộc Chương trình khoa học và công nghệ phục vụ xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025.

Hoàn chỉnh Báo cáo đề xuất Dự án chống chịu khí hậu và chuyển đổi tổng hợp vùng Đồng bằng sông Cửu Long (WB11); kết quả chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất trồng lúa trên địa bàn tỉnh năm 2022 và giai đoạn 2019-2022; công tác đầu tư, quản lý, khai thác, sử dụng các công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2020-2022; đánh giá giữa kỳ tình hình thực hiện nhiệm vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn giai đoạn 2021-2025; tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện Nghị quyết số 59/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh về hoạt động chất vấn tại kỳ họp thứ 7 - HĐND tỉnh khóa X; tổng hợp kết quả 02 năm thực hiện Nghị quyết 03/2021/NQ-HĐND ngày 19/3/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh; tổng hợp báo cáo các mô hình sản xuất hiệu quả; trả lời kiến nghị của địa phương, Hội Nông dân về Nghị quyết số 03/2021/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh; phối hợp báo cáo sơ kết 5 năm thực hiện Nghị quyết số 78/2018/NQ-HĐND ngày 07/12/2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh về chính sách hỗ trợ liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm trên địa bàn tỉnh; cung cấp thông tin, số liệu phục vụ xây dựng báo cáo hiện trạng môi trường quốc gia năm 2023 lĩnh vực Ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; hỗ trợ giám sát chuyên đề “Công tác đầu tư, quản lý, khai thác, sử dụng các công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh, giai đoạn 2020 – 2022” theo Nghị quyết số 35/NQ-HĐND ngày 07/7/2022 của HĐND về chương trình giám sát của HĐND tỉnh năm 2023; tổng kết triển khai thực hiện thí điểm ứng dụng quản lý truy xuất nguồn gốc và hỗ trợ giao dịch trên sàn Nông sản sạch Azuamua.com.

Lập kế hoạch Chuyển đổi số ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn năm 2023; xây dựng Kế hoạch Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trong tác chiến phòng thủ của tỉnh; phối hợp trao đổi, thống nhất số liệu ước tính 6 tháng đầu năm và tốc độ tăng trưởng của ngành; xây dựng dự thảo đề cương, nhiệm vụ và dự toán 07 đề án của ngành; phối hợp Sở Kế hoạch và Đầu tư rà soát tích hợp 4 phương án của ngành vào quy hoạch kinh tế - xã hội tỉnh Trà Vinh.

2. Tình hình thực hiện các chỉ tiêu chủ yếu của ngành

Giá trị sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản 6 tháng đầu năm 2023 (giá so sánh 2010) ước đạt 12.362 tỷ đồng, đạt 41% kế hoạch, tăng 0,11% so cùng kỳ, trong đó:

- Nông nghiệp: 7.480 tỷ đồng, đạt 43,18% KH, giảm 1,04%.
- Lâm nghiệp: 135 tỷ đồng, đạt 50% KH, giảm 0,33%.
- Thủy sản: 4.387 tỷ đồng, đạt 37,42% kế hoạch, tăng 2,26%.

3. Kết quả sản xuất nông, lâm, thủy sản và phát triển nông thôn

a) Trồng trọt và bảo vệ thực vật: Cơ cấu cây trồng tiếp tục chuyển đổi phù hợp với điều kiện sản xuất và thị trường tiêu thụ; đẩy mạnh thâm canh, ứng dụng khoa học công nghệ và mở rộng các mô hình sản xuất có hiệu quả, đặc biệt là các mô hình chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất trồng lúa.

Cây hàng năm: Diện tích gieo trồng 165.487 ha, đạt 68,87% kế hoạch, thấp hơn cùng kỳ 1.720 ha, cụ thể:

- Cây lúa: Xuống giống 131.389 ha, đạt 70% kế hoạch (thấp hơn cùng kỳ 2.580 ha); thu hoạch 63.201 ha, chiếm 47,45% diện tích xuống giống, sản lượng 388.862 tấn (giảm 28.042 tấn so cùng kỳ), cụ thể:

+ Vụ Mùa: Thu hoạch dứt điểm 1.142 ha, đạt 100% diện tích xuống giống, năng suất trung bình 4,42 tấn/ha (thấp hơn cùng kỳ 0,36 tấn/ha). Sản lượng 5.048 tấn (thấp hơn cùng kỳ 158 tấn).

+ Vụ Đông Xuân: Thu hoạch dứt điểm 62.059 ha, đạt 100% diện tích xuống giống; năng suất trung bình 6,18 tấn/ha (thấp hơn cùng kỳ 0,31 tấn/ha). Sản lượng 383.814 tấn (thấp hơn cùng kỳ 27.667 tấn).

+ Vụ Hè Thu: Gieo sạ 68.188 ha, vượt 0,28% kế hoạch (thấp hơn cùng kỳ 1.366 ha).

- Cây màu, cây công nghiệp ngắn ngày và cây hàng năm khác: Gieo trồng 34.098 ha, đạt 64,84% kế hoạch (cao hơn cùng kỳ 860 ha), gồm: Màu lương thực 3.823 ha, màu thực phẩm 18.653 ha, cây công nghiệp ngắn ngày và cây hàng năm khác 11.622 ha.

- Cây lâu năm: Cải tạo trồng mới cây dứa và cây ăn trái 1.230 ha; ước tính đến nay toàn tỉnh có 18.450 ha cây ăn trái, ước sản lượng thu hoạch 169,4 ngàn tấn, đạt 49,6% kế hoạch (cao hơn cùng kỳ 5.043 tấn); 26.080 ha dứa (trong đó, đang cho trái 20.943ha), ước sản lượng 167,1 ngàn tấn, đạt 45% kế hoạch (cao hơn cùng kỳ 8.990 tấn).

* Tình hình thực hiện chuyển đổi cơ cấu sản xuất: Theo báo cáo của Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn các huyện, trong quý có 1.299,67 ha đất lúa kém hiệu quả chuyển đổi sang trồng màu, trồng cỏ và trồng mới vườn cây ăn trái, vườn dứa gồm: Chuyển sang trồng bắp, màu thực phẩm và trồng cỏ 97,14 ha, trồng mới 1.195 ha dứa và cây ăn trái (cây ăn trái 484,9 ha, dứa 710,13 ha); nâng cấp cải tạo vườn cây ăn trái 35,4 ha.

- Xây dựng, theo dõi các điểm dự báo sâu bệnh trên cây lúa và hệ thống bẫy đèn thông minh, thông báo, hướng dẫn nông dân phòng trị; tuyên truyền, hướng dẫn nông dân xuống giống dứt điểm vụ Đông Xuân và Hè Thu theo khung lịch thời vụ của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; khuyến cáo nông dân thường xuyên thăm đồng, chăm sóc tốt diện tích lúa hiện diện trên đồng; kịp thời phát hiện các loại sâu bệnh và phòng trị hiệu quả; đồng thời, theo dõi, hướng dẫn nông dân phòng trị các loại sâu bệnh trên cây ăn trái và hoa màu các loại; phối hợp thực hiện Bản tin thời tiết nông vụ vụ Đông Xuân 2022-2023; tổng hợp đăng ký tham gia Đề án phát triển bền vững 01 triệu ha chuyên canh lúa chất lượng cao gắn với tăng trưởng xanh vùng Đồng bằng sông Cửu Long; tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh xây dựng dự thảo Kế hoạch thực hiện nông nghiệp hiện đại, tuần hoàn, phát thải thấp trên lĩnh vực trồng trọt giai đoạn năm 2023 - 2025 và định hướng đến năm 2030; thẩm định, cấp mới và cấp lại 30 giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán phân bón, thuốc bảo vệ thực vật. Thực hiện các thủ tục cấp mã

vùng trồng, cơ sở đóng gói trên địa bàn tỉnh, đến nay được Cục Bảo vệ thực vật cấp mới, duy trì 23 mã số vùng trồng cho 11 loại cây trồng (sầu riêng, xoài, chuối, ớt, lúa, dừa, dưa hấu, nhãn, chôm chôm, mít, thanh long), 03 cơ sở đóng gói tạo điều kiện thuận lợi cho việc xuất khẩu nông sản của tỉnh; ngoài ra Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xác nhận 16 mã số vùng trồng nội địa.

b) Chăn nuôi, thú y

Tình hình chăn nuôi 6 tháng đầu năm không được thuận lợi, bệnh dịch tả heo Châu Phi xuất hiện trong những tháng đầu năm (đến cuối quý I đã được khống chế và công bố hết dịch), các loại dịch bệnh nguy hiểm khác được kiểm soát tốt; giá thức ăn duy trì ở mức cao, trong khi giá heo hơi không ổn định, chăn nuôi nhỏ lẻ không phát triển, nhưng tổng đàn heo tăng so cùng kỳ, chủ yếu tập trung ở các hộ có năng lực chủ động con giống, có điều kiện trang bị các thiết bị vật tư và kỹ thuật đáp ứng điều kiện nuôi an toàn sinh học, nuôi quy mô lớn. Đàn bò phát triển tương đối ổn định nhờ phát triển các mô hình chăn nuôi bò vỗ béo. Ước đàn vật nuôi 6 tháng như sau: Đàn heo 284.000 con (tăng 41.154 con so cùng kỳ); đàn bò 255.000 con (tăng 10.164 con so cùng kỳ); gia cầm 7,2 triệu con (giảm 310 ngàn con).

Theo báo cáo của địa phương, toàn tỉnh có 1.041 trang trại chăn nuôi gia súc, gia cầm với số lượng 640.100 con (04 trang trại chăn nuôi heo quy mô lớn, số lượng 7.800 con, 03 trang trại chăn nuôi gia cầm quy mô lớn với số lượng 36.000 con, 65 trang trại chăn nuôi gia súc, gia cầm quy mô vừa, với 257.707 con, 969 trang trại gia súc, gia cầm quy mô nhỏ với số lượng 338.593 con); có 22 cơ sở chăn nuôi tham gia chuỗi liên kết của Công ty cổ phần chăn nuôi CP Việt Nam, Công ty Emivest và công ty Greenfeed.

Vận động tiêm phòng vaccine Cúm gia cầm trên 01 triệu con (đạt 17,46% kế hoạch), LMLM gia súc 96,8 ngàn con (đạt 22,29%), Đại chó 21,7 ngàn liều (đạt 20,3%), các loại bệnh thông thường khác trên đàn gia súc 258,8 ngàn liều (đạt 36,9%), viên da nổi cục trên trâu, bò 10 ngàn liều (đạt 5,45%). Phối hợp Đài Phát thanh - Truyền hình Trà Vinh thực hiện 01 phóng sự nội dung “phòng, chống dịch bệnh trong mùa nắng”. Thực hiện hoàn tất “Tháng tổng vệ sinh, khử trùng, tiêu độc môi trường đợt 1/2023”; sử dụng 9.086 lít hóa chất tiêu độc khử trùng tại các điểm chợ để phòng, chống và dập dịch bệnh dịch tả heo Châu Phi 280.610 lượt hộ, 39 chợ, diện tích phun xịt 14,76 triệu m².

Kiểm dịch 88.191 con heo (giảm 6.711 con so cùng kỳ); 14.208 con bò (tăng 8.208 con), 912 ngàn con gia cầm (giảm 9,7 ngàn con); 240 tấn sản phẩm động vật (giảm 44,3 tấn) và kiểm dịch 773,6 triệu con (tăng 64 triệu con).

c) Lâm nghiệp

Tổ chức thực hiện vệ sinh phòng cháy, chữa cháy rừng đạt 100% kế hoạch, đồng thời tổ chức nghiệm thu hoàn thành công trình vệ sinh phòng cháy rừng mùa khô năm 2023; kiểm tra cây giống chuẩn bị trồng rừng mới tập trung, trồng bổ sung và trồng rừng thay thế theo kế hoạch; chăm sóc, giao khoán bảo vệ rừng và công tác tuyên truyền pháp luật về bảo vệ và phát triển rừng năm 2023. Tổ chức 340 lượt tuần tra bảo vệ rừng, phát hiện và xử lý 02 trường hợp vi phạm, đã

tiến hành xử lý theo quy định. Cấp 03 mã số gây nuôi động vật hoang dã; 35 bảng kê xuất bán động vật hoang dã. Tổ chức các hoạt động trồng cây đời đời nhớ ơn Bác Hồ.

Bàn giao ngoài thực địa cho đơn vị thi công xây dựng công trình công và cải tạo hệ thống kênh dẫn nước nuôi dưỡng rừng Đước thuộc ấp Phước Thiện, xã Đông Hải, huyện Duyên Hải; khảo sát diện tích đất bãi bồi để phục vụ công trình trồng rừng thay thế; tổ chức tuyên truyền, vận động người dân sống ven rừng Phi lao sử dụng lửa an toàn.

* *Thiệt hại rừng năm 2023*: Tính từ đầu năm đến nay tổng diện tích rừng bị sạt lở 6,041 ha, gồm: Công ty Mùa vàng 5,826 ha (xã Hiệp Thạnh 5,73 ha, xã Trường Long Hòa 0,096 ha) và rừng hộ dân nhận giao khoán 0,25 ha tại xã Đông Hải, huyện Duyên Hải.

d) Thủy sản: Tình hình dịch bệnh cơ bản được kiểm soát, thực hiện tốt công tác giám sát và chuyển giao khoa học kỹ thuật phục vụ cho nuôi trồng thủy sản, từng bước cơ cấu lại con nuôi, lịch thả giống thích nghi với biến đổi khí hậu. Ước 6 tháng đầu năm thu hoạch 101.749 tấn (sản lượng nuôi 76.796 tấn, sản lượng khai thác 24.954 tấn), đạt 41,61% kế hoạch, tăng 3.461 tấn so cùng kỳ, cụ thể:

- Nuôi trồng: Thả nuôi 5,202 tỷ con tôm, cá giống các loại, diện tích 43.604 ha; thu hoạch 76.796 tấn (tăng 4.262 tấn so cùng kỳ), đạt 83,69% kế hoạch (tôm sú 5.328 tấn, tôm thẻ chân trắng 29.800 tấn, cua 2.789 tấn, cá lóc 24.870 tấn, cá tra 5.906, tôm càng xanh 995 tấn, cá các loại 4.753 tấn), trong đó:

+ Vùng nước mặn, lợ: Thả nuôi thả nuôi 5,08 tỷ con giống, diện tích 41.748 ha, cụ thể: Thả nuôi 1,018 tỷ con tôm sú giống, diện tích 18.580 ha; 3,94 tỷ con tôm thẻ chân trắng, diện tích 5.121 ha (thâm canh mật độ cao 1,46 tỷ con, diện tích 725 ha); cua biển 123 triệu con giống, diện tích 17.809 ha; thu hoạch 40.272 tấn (cao hơn cùng kỳ 4.375 tấn), đạt 41,1% kế hoạch. Tuy nhiên, do nhiệt độ ngày và đêm chênh lệch lớn tạo điều kiện cho mầm bệnh phát sinh gây thiệt hại 67,5 triệu con tôm sú (chiếm 2,5% lượng con giống thả nuôi), diện tích 440 ha; 450 triệu con tôm thẻ (chiếm 8% lượng con giống thả nuôi), diện tích 650 ha tôm chết ở giai đoạn từ 25 - 55 ngày tuổi, đa số có dấu hiệu của bệnh đốm trắng, đỏ thân, gan tụy, đường ruột và chậm phát triển giai đoạn đầu.

+ Vùng nước ngọt: Thả nuôi 122,3 triệu con cá giống các loại với diện tích 1.856 ha. Thu hoạch 36.524 tấn (thấp hơn cùng kỳ 113 tấn), đạt 44,43% kế hoạch.

* Đăng ký nuôi các đối tượng chủ lực (tôm): 20 hộ nuôi (diện tích 30,29 ha; 26 ao) trên địa bàn huyện Duyên Hải đăng ký nuôi đối tượng chủ lực và đã được cấp giấy xác nhận đăng ký nuôi. Từ năm 2021 đến nay, có 112 hộ (55,475 ha; 174 ao) nuôi tôm sú, tôm thẻ chân trắng đăng ký nuôi và đã được cấp giấy xác nhận (Cầu Ngang: 75 hộ, 16,37 ha, 99 ao; Duyên Hải: 34 hộ, 37,6 ha, 61 ao; Thị xã Duyên Hải: 02 hộ, 1,22 ha, 08 ao; Châu Thành: 01 hộ, 0,31 ha, 06 ao).

- Khai thác: Toàn tỉnh có 911 tàu cá được đăng ký, tổng công suất 150.949 CV, tăng 491 CV (268 tàu có chiều dài từ 15 m trở lên); phối hợp Bộ đội Biên phòng tỉnh hỗ trợ ngư dân lắp đặt thiết bị giám sát hành trình được đạt 100% kế

hoạch; cấp phát, hướng dẫn ghi nhật ký khai thác 154 tàu cá. Ước sản lượng khai thác 24.954 tấn (2.609 tấn tôm), đạt 38,78% kế hoạch (*giảm 800 tấn so cùng kỳ*), trong đó, khai thác nội đồng 3.633 tấn (219 tấn tôm), khai thác hải sản 21.321 tấn (2.390 tấn tôm).

- Thu mua, chế biến: Công ty Cổ phần Thủy sản Cửu Long thu mua 1.541 tấn tôm (62 tấn tôm sú, 1.457 tấn tôm thẻ), chế biến 2.333 tấn, tiêu thụ 1.306 tấn, kim ngạch xuất khẩu 16,08 triệu USD.

e) Phát triển nông thôn

* *Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới (NTM)*: Tham mưu Ban chỉ đạo tỉnh tổ chức Hội nghị tổng kết công tác xây dựng NTM năm 2022 và triển khai kế hoạch năm 2023; phối hợp với các Sở, ban ngành và địa phương xây dựng kế hoạch tuyên truyền xây dựng NTM năm 2023; tổ chức công bố các xã đạt chuẩn NTM, NTM nâng cao và NTM kiểu mẫu.

- Huyện Nông thôn mới: Đến nay có 08/9 đơn vị cấp huyện được Thủ tướng Chính phủ công nhận đạt chuẩn và hoàn thành nhiệm vụ xây dựng NTM; Năm 2023, huyện Trà Cú đăng ký đạt chuẩn NTM, đến nay huyện đạt 5/9 tiêu chí, còn lại 04 tiêu chí chưa đạt (*tiêu chí 6 về sản xuất; tiêu chí 7 về môi trường; tiêu chí 8 về chất lượng môi trường sống; tiêu chí 9 về hệ thống chính trị - an ninh trật tự - hành chính công*).

- Xã nông thôn mới: Đến nay có 85/85 xã đạt chuẩn NTM, đạt 100% số xã.

- Xã nông thôn mới nâng cao: Tính đến nay, toàn tỉnh có 38 xã đạt NTM nâng cao. Năm 2023, phần đầu toàn tỉnh có 50% số xã đạt chuẩn NTM nâng cao. Hiện các xã đang tập trung thực hiện các tiêu chí chưa đạt.

- Xã NTM kiểu mẫu: Ủy ban nhân dân tỉnh công nhận 03 xã đạt NTM kiểu mẫu, gồm: Long Đức, An Trường, An Phú Tân.

**** Chương trình OCOP, ngành nghề nông thôn:***

- Tiếp tục triển khai, hướng dẫn thực hiện Quyết định số 37/2022/QĐ-UBND ngày 27/12/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quy định chính sách hỗ trợ đầu tư phát triển làng nghề, ngành nghề nông thôn trên địa bàn tỉnh; lập Kế hoạch xây dựng Pano tuyên truyền công tác bảo vệ môi trường làng nghề trên địa bàn các xã có làng nghề.

- Đến nay, trên địa bàn tỉnh có 184 sản phẩm đạt chứng nhận OCOP (từ 03 sao trở lên), trong đó, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn vừa công nhận Trà Vinh có 03 sản phẩm đạt chứng nhận OCOP cấp quốc gia gồm: “Mật hoa dứa”, “Đường hoa dứa” của Công ty TNHH Trà Vinh FARM và sản phẩm “Dừa sáp sợi - VICOSAP” của Công ty TNHH chế biến dừa sáp Cầu Kè. Phối hợp Phòng Nông nghiệp và PTNT các huyện; Phòng Kinh tế thị xã, thành phố hỗ trợ thủ tục, hồ sơ thực hiện Chính sách hỗ trợ Chương trình OCOP năm 2023. Cấp phát tài liệu Chương trình OCOP và Tem OCOP đến các sở, ban ngành tỉnh và các huyện, thị xã, thành phố; tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức Hội nghị sơ kết Chương trình OCOP giai đoạn 2019 – 2022 và khen thưởng tập thể, cá nhân, chủ

thể OCOP có thành tích tiêu biểu. Tiếp nhận hồ sơ tham gia đánh giá, phân hạng sản phẩm OCOP năm 2023 (đợt 1) do địa phương đăng ký tham gia (sản phẩm đạt từ 4 sao trở lên).

** Kinh tế hợp tác:*

- Hợp tác xã: Thành lập mới 03 HTX, đồng thời lập thủ tục giải thể 02 HTX. Đến nay, trên địa bàn tỉnh có 145 HTX (127 HTX đang hoạt động và 18 HTX ngưng hoạt động). Rà soát, đánh giá phân loại HTX nông nghiệp năm 2022 theo Thông tư 09/2017/TT-BNNPTNT có 106/145 HTX đủ điều kiện đánh giá, phân loại, kết quả: 11 HTX xếp loại tốt (đạt 10,3%), 44 HTX xếp loại khá (chiếm 42%); 43 HTX xếp loại trung bình (đạt 40%), 08 HTX xếp loại yếu (đạt 7,7%). Đến nay, còn 01 HTX đăng ký tham gia dự án liên kết (HTX nông nghiệp Châu Hưng); Ngành phối hợp với Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn huyện Châu Thành thẩm định dự án liên kết của HTX.

- Liên hiệp HTX: Trên địa bàn tỉnh có 01 Liên hiệp hợp tác xã lúa - gạo. Qua đại hội thường niên kết nạp thêm 02 HTX thành viên mới, đến nay có 09 HTX thành viên tham gia; vốn điều lệ là 150 triệu đồng, vốn góp 118 triệu đồng.

- Tổ hợp tác: Tổ chức 18 lớp tập huấn thành lập mới THT tại huyện Châu Thành, Cầu Kè, Tiểu Cần và Trà Cú; Trong 6 tháng, hỗ trợ thành lập 06 THT ở huyện Châu Thành, Trà Cú và Cầu Kè. Đến nay, toàn tỉnh có 1.605 THT hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp với 29.757 thành viên.

** Bố trí dân cư:* Triển khai thực hiện dự án Di dân khẩn cấp khu vực sạt lở nguy hiểm xã Định An; khảo sát thực tế khu vực sạt lở nguy hiểm xã Định An, huyện Trà Cú và Dự án Di dân khẩn cấp sự cố sạt lở bờ biển khu vực Cồn Nhàn, ấp Đông Thành, ấp Hồ Thùng, xã Đông Hải, huyện Duyên Hải.

** Chương trình nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn:* Thực hiện bảo trì 02 trạm cấp nước Trường Thọ và Thị trấn Long Thành. Dự án công trình trữ nước và hệ thống cấp nước sinh hoạt tại các vùng khan hiếm nước, vùng bị ảnh hưởng xâm nhập mặn trên địa bàn tỉnh Trà Vinh: Bộ Nông nghiệp và PTNT đã thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi, đang thực hiện các thủ tục để phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi; Dự án Nâng cấp, mở rộng Trạm cấp nước xã Long Sơn, huyện Cầu Ngang: Đã gửi hồ sơ thiết kế đến nhà tài trợ, khi nhà tài trợ thống nhất ý kiến sẽ trình Sở Xây dựng thẩm định hồ sơ thiết kế. Trong 6 tháng đầu năm lắp đặt 6.187 đồng hồ nước. Nâng đến nay đã cung cấp cho 172.336 hộ sử dụng nước máy, ước tỷ lệ sử dụng nước hợp vệ sinh đạt 99,8% (trong đó tỷ lệ hộ dân nông thôn sử dụng nước sạch đạt 78%). Tiếp tục thực hiện các quy trình chuyển Trung tâm nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn thành công ty cổ phần.

4. Xây dựng cơ bản, công tác thủy lợi và phòng chống thiên tai

a) Công tác thủy lợi và phòng chống thiên tai

Công tác thủy lợi nội đồng: Các địa phương thực hiện hoàn thành 380 công trình thủy lợi nội đồng, đạt 100% kế hoạch.

Phối hợp với Công ty TNHH MTV Quản lý khai thác công trình thủy lợi kiểm tra, vận hành công tích trữ nước ngọt ở những nơi có điều kiện, ngăn triều

cường phục vụ sản xuất lúa vụ Đông Xuân; kết hợp địa phương triển khai thực hiện tốt Kế hoạch số 1819/KH-SNN ngày 13/12/2022 của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về phòng chống khô hạn hán, thiếu nước, xâm nhập mặn mùa khô năm 2022-2023. Tham mưu theo dõi, đôn đốc các Sở, ban, ngành và địa phương thực hiện Kế hoạch của Ủy ban nhân dân tỉnh về công tác phòng, chống thiên tai giai đoạn 2021-2026.

Theo dõi, phối hợp các sở, ngành, địa phương thực hiện Kế hoạch số 58/KH-UBND ngày 29/11/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh về triển khai thực hiện Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 18/6/2018 của Chính phủ về công tác phòng, chống thiên tai trên địa bàn tỉnh.

Thực hiện chỉ đạo của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Công văn số 3222/BNN-TL ngày 19/5/2023 về việc tổ chức các giải pháp ứng phó với nguy cơ hạn hán, thiếu nước, xâm nhập mặn, ngành đang xây dựng dự thảo kế hoạch phòng chống hạn hán, thiếu nước, xâm nhập mặn trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2023-2025.

Tổ chức 25 lớp tập huấn, phổ biến kiến thức về phòng, chống thiên tai cho với 729 người tham dự. Tổ chức 108 đợt kiểm tra an toàn các tuyến đê, kè, phát hiện 23 trường hợp vi phạm đến hành lang an toàn đê, kè, các trường hợp vi phạm chủ yếu xây dựng nhà, chuồng bò, đơn vị chuyên môn kết hợp với chính quyền địa phương lập biên bản xử lý theo quy định.

* Tình hình thiệt hại: Từ đầu năm đến nay triều cường dâng cao gây sạt lở đê bao, bờ bao, vỡ bờ bao với tổng chiều dài 2.166 m, tràn cục bộ 1.348 m gây thiệt hại 184,22 ha (110,5 ha vườn cây ăn trái, 26 ha mía, 14,91 ha hoa màu, 10 ha lúa và 22,81 ha tôm), 2,57 ha rừng, ảnh hưởng 11 căn nhà, ước giá trị thiệt hại khoảng 2.895 triệu đồng; mưa giông làm sập hoàn toàn 2 căn nhà tại xã Ngũ Lạc và Đôn Châu huyện Duyên Hải; tốc mái 04 nhà tại xã Phú Cần huyện Tiểu Cần. Ngành phối hợp với địa phương hỗ trợ khắc phục xong.

b) Công tác xây dựng cơ bản: Tiếp tục theo dõi, triển khai thực hiện 11 dự án, gồm: 01 công trình lâm nghiệp, 05 công trình đê kè; 02 công trình phục vụ sản xuất nông nghiệp, 02 công trình phục vụ thủy sản, 01 công trình di dân. Giải ngân đến 26/6/23 là 65,97 tỷ đồng, đạt 30,68% kế hoạch vốn 2023.

5. Kết quả thực hiện công tác chuyên ngành

a) Công tác quản lý chất lượng vật tư nông nghiệp, an toàn thực phẩm (ATTP), quản lý tàu cá, cảng cá và thanh tra, kiểm tra.

Quản lý chất lượng vật tư nông nghiệp, ATTP: Hướng dẫn, tiếp nhận 20 cơ sở ký bản cam kết sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản an toàn. Thẩm định điều kiện bảo đảm ATTP 81 cơ sở (28 cơ sở loại A, 53 cơ sở loại B); cấp 35 Giấy chứng nhận đủ điều kiện ATTP (09 cấp mới, 26 cấp lại) và cấp 19 giấy chứng nhận xuất xứ nguyên thể 02 mảnh vỏ; kiểm tra, giám sát và lấy mẫu phân tích chữ đường tại Công ty Cổ phần Mía đường Trà Vinh, kết quả Công ty thực hiện đúng quy định về công bố hợp quy theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia chất lượng mía nguyên liệu QCVN 01-98/2012/BNNPTNT. Thu 261 mẫu nông sản, thực phẩm để phân tích chỉ tiêu chất lượng và ATTP; tổ chức 32 lớp tập

huấn, tuyên truyền phổ biến kiến thức, quy định của pháp luật về sản xuất, kinh doanh thực phẩm an toàn, có 1.147 người dự; phối hợp Trung tâm chất lượng Nông lâm thủy sản vùng tổ chức 06 lớp tập huấn “Chương trình quản lý chất lượng thực phẩm theo HACCP”, có 30 người dự; thông báo 06 bản tin kết quả giám sát về ATTP nông lâm thủy sản trên Đài Truyền hình Trà Vinh; vận động 02 cơ sở tham gia xây dựng mô hình chuỗi cung ứng thực phẩm nông lâm thủy sản an toàn (HTX Bưởi da xanh Hùng Hòa huyện Tiểu Cần và Công ty TNHH Green Farm Trà Vinh).

Quản lý tàu cá, cảng cá: Tổ chức thu dịch vụ sử dụng cảng 5.520 lượt tàu, xe ra vào cảng, bốc dỡ 4.577 tấn hàng hoá và cho thuê mặt bằng, dịch vụ cảng với số tiền 504,7 triệu đồng; xác nhận nguyên liệu thủy sản khai thác 69 giấy (1.592 tấn). Kết hợp Bộ đội Biên phòng tỉnh và địa phương đảm bảo an ninh trật tự khu vực Cảng cá Láng Chim và Cảng cá Định An; chuẩn bị tốt nhất các điều kiện, sẵn sàng hỗ trợ ngư dân đưa tàu về nơi neo đậu an toàn khi xảy ra mưa bão; hướng dẫn 240 tàu được lắp đặt thiết bị giám sát hành trình tàu cá, đạt 100% số tàu khai thác xa bờ.

Thanh tra, kiểm tra 19 hộ giết mổ gia súc (heo), 63 quầy mua bán thịt heo; 06 lượt cơ sở giết mổ gia súc tập trung; 56 cơ sở kinh doanh thực phẩm; 43 cơ sở kinh doanh phân bón; 11 lượt phương tiện vận chuyển gia súc, gia cầm và giống thủy sản; 38 cơ sở kinh doanh thức ăn thủy sản, sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản; 01 công ty kinh doanh thức ăn thủy sản và sản phẩm xử lý môi trường; 42 cơ sở kinh doanh thức ăn chăn nuôi, thuốc thú y và 296 lượt tuần tra, kiểm tra rừng và kiểm soát lâm sản, 324 phương tiện tàu cá; thu 161 mẫu nông sản; phát hiện và xử lý 35 trường hợp theo qui định.

b) Công tác khuyến nông và công tác giống

Công tác khuyến nông: Phối hợp tổ chức 14 lớp tập huấn kỹ thuật trồng trọt, chăn nuôi, nuôi tôm sú, tôm thẻ chân trắng, nuôi tôm thẻ thâm canh mật độ cao ứng dụng Biogas, kết hợp tuyên truyền chính sách hỗ trợ tái cơ cấu ngành cho 396 nông dân dự. Kết hợp Đài Phát thanh - Truyền hình Trà Vinh thực hiện 02 cuộc phóng sự về “nuôi ốc bươu đen thương phẩm” và 01 “quản lý đàn vật nuôi trong điều kiện khô, hạn”. Phối hợp với địa phương thực hiện theo dõi các 07 mô hình trình diễn thuộc mô hình thực nghiệm giống cây, con mới, Chương trình Khuyến nông Quốc gia và các dự án kết hợp. Xây dựng Chương trình Khuyến nông năm 2023; xây dựng định mức kinh tế kỹ thuật các loại cây trồng, vật nuôi; Kế hoạch thực hiện Chiến lược phát triển cơ giới hóa nông nghiệp và chế biến nông lâm thủy sản đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

Công tác giống:

+ Giống cây trồng: vụ Đông Xuân thu hoạch đạt 32,4 tấn lúa giống cấp xác nhận 1; vụ Hè Thu xuống giống 7,3 ha đang trong giai đoạn mạ đến đẻ nhánh, phát triển tốt; chăm sóc cam sành gốc ghép vô bầu, cây cam sành không hạt S₁, cây S₀ quýt đường phát triển tốt; ươm 4.000 trái dứa giống, chiết 3.890 nhánh chanh; cung ứng 850 kg bưởi thương phẩm, 4.500 trái dứa và 2.000 cây giống các loại.

+ Giống thủy sản: Xuất bán 6,2 ngàn con giống tôm càng xanh toàn đực; thu hoạch 16,2 tấn tôm thẻ, đang thả 2,6 triệu con giống tôm thẻ chân trắng và ương 06 triệu ấu trùng tôm càng xanh toàn đực.

6. Những tồn tại, hạn chế và nguyên nhân

Công tác chỉ đạo sản xuất ở một số địa phương chưa sâu sát, một số nơi chưa thật sự tuân thủ lịch thời vụ sản xuất lúa, còn xuống giống kéo dài so với thông báo lịch xuống giống (vụ Đông Xuân và vụ Hè Thu).

Chuyển đổi cơ cấu sản xuất nông nghiệp còn chậm và chưa đồng bộ, liên kết giữa sản xuất, chế biến, tiêu thụ còn nhiều bất cập; kinh tế hợp tác hoạt động hiệu quả chưa cao.

Giá cả vật tư đầu vào còn ở mức cao (thức ăn, thuốc BVTV, thuốc thú y,..) làm tăng giá thành sản xuất trong khi giá cả đầu một số mặt hàng nông sản chủ lực (cây ăn trái, dưa, một số loại rau củ quả, tôm sú, tôm thẻ...) không ổn định và ở mức thấp dẫn đến lợi nhuận của người sản xuất không cao.

Tỷ lệ tiêm phòng cho đàn vật nuôi đạt thấp, chưa bảo hộ được cho đàn vật nuôi.

Luồng vào cảng cá Định An gây khó khăn cho các phương tiện ra vào cảng bốc dỡ hàng hóa và tránh trú bão; một số hạng mục công trình của Cảng cá Định An xuống cấp gây ảnh hưởng đến chất lượng hoạt động của cảng. Chất lượng xây dựng nông thôn mới có nâng lên nhưng chưa thật sự bền vững.

PHẦN II KẾ HOẠCH CÔNG TÁC 6 THÁNG CUỐI NĂM 2023

I. MỘT SỐ CHỈ TIÊU CHỦ YẾU:

1. Giá trị sản xuất

Ước 6 tháng cuối năm giá trị sản xuất toàn ngành đạt thêm 18.092 tỷ đồng, nâng tổng giá trị sản xuất cả năm 30.454 tỷ đồng, vượt 1,01% chỉ tiêu kế hoạch, trong đó:

- Nông nghiệp: 10.364 tỷ đồng (*trồng trọt 7.130 đồng, chăn nuôi 2.200 tỷ đồng, dịch vụ nông nghiệp 1.034 tỷ đồng*), nâng tổng giá trị sản xuất cả năm 18.204 tỷ đồng, vượt 0,25% kế hoạch.

- Lâm nghiệp: 135 tỷ đồng, nâng tổng giá trị sản xuất cả năm 270 tỷ đồng, đạt 100% kế hoạch.

- Thủy sản: 7.593 tỷ đồng (*nuôi trồng 6.902 tỷ đồng, khai thác 691 tỷ đồng*), nâng tổng giá trị sản xuất cả năm 11.980 tỷ đồng, vượt 2,2% kế hoạch.

2. Chỉ tiêu cụ thể về sản xuất và phát triển nông thôn

a) Sản lượng một số cây trồng, vật nuôi chủ yếu

- Trồng trọt: Sản lượng lúa (02 vụ: Hè Thu và Thu Đông) 721,28 ngàn tấn; rau màu và cây hàng năm khác 718,41 ngàn tấn; cây lâu năm 384,34 ngàn tấn (dừa 205,4 ngàn tấn, cây ăn trái 178,95 ngàn tấn).

- Chăn nuôi: Ổn định đàn bò 255.000 con, đàn heo 278.000 con và đàn dê 22.000 con; đàn gia cầm 7,5 triệu con; sản lượng thịt hơi đạt thêm 50.000 tấn.

- Thủy, hải sản: Sản lượng đạt thêm 146,8 ngàn tấn, gồm: Thủy sản nuôi 107,4 ngàn tấn, thủy sản khai thác 39,4 ngàn tấn.

- Lâm nghiệp: Trồng mới 50 ha rừng; tỷ lệ che phủ rừng đạt 4,1%.

b) Chỉ tiêu về phát triển nông thôn:

- Giữ vững 99,8% số hộ dân nông thôn được sử dụng nước hợp vệ sinh (trong đó tỷ lệ hộ dân sử dụng nước sạch đạt 79,2%).

- Phân đầu có thêm 10 xã đạt NTM nâng cao và 02 xã NTM kiểu mẫu. Hoàn chỉnh thủ tục trình Thủ tướng công nhận huyện Trà Cú đạt huyện NTM, huyện Cầu Kè đạt huyện NTM nâng cao.

II. CÔNG TÁC THAM MUỖ CHỈ ĐẠO ĐIỀU HÀNH

Trình Ủy ban nhân dân trình Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết: Nội dung hỗ trợ, mẫu hồ sơ, trình tự, thủ tục lựa chọn dự án, kế hoạch, phương án sản xuất, lựa chọn đơn vị đặt hàng trong thực hiện các hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 – 2030 (giai đoạn I từ năm 2021 đến năm 2025); Ban hành cơ chế, chính sách hỗ trợ để thực hiện các nội dung, giải pháp của Chương trình Bố trí dân cư tại tỉnh theo điểm d khoản 7 mục VI Điều 1, Quyết định số 590/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ.

Trình Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành: Chương trình phát triển du lịch nông thôn trong xây dựng nông thôn mới; Chương trình khoa học công nghệ phục vụ xây dựng nông thôn mới; Chương trình chuyển đổi số trong xây dựng nông thôn mới, hướng tới nông thôn mới thông minh; Chương trình tăng cường bảo vệ môi trường, an toàn thực phẩm và cấp nước sạch nông thôn trong xây dựng nông thôn mới và Chương trình nâng cao chất lượng, hiệu quả thực hiện tiêu chí an ninh, trật tự trong xây dựng nông thôn mới; Kế hoạch phòng, chống dịch bệnh năm 2024; Chương trình mục tiêu phát triển lâm nghiệp bền vững trên địa bàn tỉnh năm 2024;

Trình Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành mới các quy trình kỹ thuật các loại cây trồng, vật nuôi trên địa bàn tỉnh; phê duyệt đề cương, nhiệm vụ 07 đề án của ngành.

III. CHỈ ĐẠO SẢN XUẤT NÔNG, LÂM, THỦY SẢN VÀ PTNT

1. Trồng trọt và bảo vệ thực vật

Cây lúa: Hướng dẫn nông dân chăm sóc tốt diện tích lúa Hè Thu, bón phân cân đối để cây lúa khỏe, chống đổ ngã; tiếp tục theo dõi hệ thống giám sát côn trùng thông minh và các điểm dự báo sâu bệnh để hướng dẫn nông dân phòng trị có hiệu quả, không để lây lan thành dịch, nhất là bệnh đạo ôn, rầy nâu, chuột gây

hại, đảm bảo năng suất, sản lượng đạt theo kế hoạch; hướng dẫn nông dân xuống giống vụ Thu Đông theo khung lịch thời vụ, đồng thời chuẩn bị tốt kế hoạch sản xuất vụ Đông Xuân 2023-2024. Nâng cao hiệu quả và sử dụng linh hoạt đất trồng lúa, chú trọng thâm canh tăng năng suất, phát triển sản xuất lúa chất lượng cao, đẩy mạnh phát triển sản xuất lúa hữu cơ.

Cây màu, cây công nghiệp ngắn ngày và cây hàng năm khác: Mở rộng diện tích trồng màu phù hợp với điều kiện sản xuất của từng vùng, tập trung mạnh việc đưa cây màu luân canh trên đất trồng lúa; đẩy mạnh phát triển các loại màu chủ lực thành các vùng sản xuất tập trung, áp dụng công nghệ cao, sản xuất theo quy trình sản xuất tốt, hữu cơ, sạch, đảm bảo an toàn thực phẩm, đáp ứng nhu cầu của thị trường tiêu thụ và gắn với các doanh nghiệp thu mua sơ chế, chế biến và tiêu thụ nông sản.

Tập trung cải tạo vườn cây ăn trái, vườn dừa kém hiệu quả và cải tạo giống tạp, vườn tạp theo hướng thâm canh, kết hợp trồng xen. Tập trung phát triển các vùng sản xuất trọng điểm cây ăn quả chủ lực và cây dừa ở các huyện vùng ngọt. Đẩy mạnh sử dụng các loại giống cây trồng năng suất, chất lượng cao, chống chịu sâu bệnh, áp dụng các biện pháp canh tác bền vững, giảm chi phí, kiểm soát chặt chẽ việc sử dụng vật tư đầu vào; tăng cường liên kết nông dân, tổ chức nông dân với doanh nghiệp tiêu thụ. Thực hiện các biện pháp phòng, trừ sâu bệnh trên cây ăn trái như bệnh đốm nâu trên cây thanh long, sâu đục trái trên cây có múi, bệnh chổi rồng trên nhãn, bọ cánh cứng hại dừa, sâu đầu đen hại dừa.

2. Chăn nuôi và thú y

Tiếp tục triển khai thực hiện Kế hoạch phòng, chống dịch bệnh năm 2023; giám sát tình hình dịch bệnh và tuyên truyền sâu rộng về nguy cơ bùng phát dịch bệnh truyền nhiễm nguy hiểm trên đàn gia súc, gia cầm, nhất là bệnh Cúm gia cầm, LMLM gia súc, Đại chó, mèo; tuyên truyền, hướng dẫn các cơ sở chăn nuôi thực hiện tốt các giải pháp chăn nuôi an toàn sinh học; vận động các hộ chăn chủ động tiêm phòng cho đàn vật nuôi để bảo hộ cho đàn vật nuôi đặc biệt là trong thời điểm giao mùa và thực hiện tiêu độc khử trùng theo quy định.

Tiếp tục triển khai thực hiện Chiến lược phát triển chăn nuôi giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045; duy trì phát triển các vùng chăn nuôi tập trung, quy mô lớn đối với các sản phẩm chủ lực gắn với phát triển công nghiệp chế biến sản phẩm chăn nuôi, an toàn thực phẩm; tiếp tục khuyến khích, hỗ trợ các cơ sở chăn nuôi tập trung. Tổ chức lại chăn nuôi theo hướng hợp tác liên kết theo chuỗi giá trị, để cắt giảm chi phí, tăng hiệu quả và giá trị gia tăng, đồng thời hướng dẫn phối trộn thức ăn nhằm giảm chi phí đầu vào cho các cơ sở chăn nuôi; đẩy nhanh tiến độ và quy mô tái đàn heo; khuyến khích phát triển đàn gia cầm và sản phẩm gia cầm; ổn định và tiếp tục nâng cao chất lượng đàn bò. Phát triển chăn nuôi gia súc, gia cầm theo nguyên tắc bảo đảm an toàn sinh học, kiểm soát dịch bệnh, bảo vệ môi trường.

Đẩy mạnh công tác quản lý nhà nước về công tác giống, quản lý chặt chẽ các cơ sở kinh doanh thức ăn, thuốc thú y và dịch vụ thú y, kịp thời ngăn chặn và hạn chế tình trạng lạm dụng thuốc kháng sinh, sử dụng kháng sinh cấm và các

chất tăng trọng để tạo ra sản phẩm an toàn; tăng cường kiểm soát giết mổ tại các cơ sở giết mổ tập trung, kiểm dịch động vật và sản phẩm động vật xuất nhập tỉnh.

3. Thủy sản

Tăng cường cán bộ chuyên môn trực tiếp theo dõi địa bàn các xã để tư vấn, hỗ trợ kỹ thuật cho người nuôi thủy sản ở các vùng trọng điểm, đồng thời hướng dẫn người nuôi cải tạo ao, hồ đúng quy trình kỹ thuật tiếp tục thả nuôi thủy sản theo lịch thời vụ thả nuôi một số đối tượng thủy sản trên địa bàn tỉnh mùa vụ năm 2023-2024. Đẩy mạnh phát triển nuôi thủy sản theo nhiều hình thức, đa dạng hóa chủng loại với các đối tượng mẫn, lợ, ngọt có giá trị kinh tế và giá trị xuất khẩu cao. Tăng cường công tác giám sát và kiểm soát dịch bệnh của các loài thủy sản nuôi; quản lý tốt vùng nuôi hạn chế đến mức thấp nhất ô nhiễm môi trường; kiểm soát, giám sát và quản lý tốt chất lượng con giống, thức ăn, hóa chất, thuốc thú y thủy sản và những tác động của sản xuất đến môi trường để có những giải pháp khắc phục kịp thời. Tổ chức liên kết sản xuất theo chuỗi ngành hàng đối với các con nuôi chủ lực; thực hiện quan trắc môi trường nước, thu mẫu giáp xác phân tích mầm bệnh và thông báo trên Đài Phát thanh – Truyền hình để người dân quản lý ao nuôi; tiếp tục tuyên truyền phổ biến đến người nuôi việc thực hiện đăng ký nuôi các đối tượng thủy sản chủ lực làm cơ sở cấp mã vùng nuôi, thực hiện các giải pháp ứng phó với dịch bệnh trong nuôi trồng thủy sản.

Triển khai thực hiện tốt Kế hoạch thực hiện Chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 trên địa bàn tỉnh; tuyên truyền vận động các chủ tàu cá tuân thủ Luật Thủy sản và các văn bản hướng dẫn thực hiện Luật Thủy sản theo đúng quy định; đẩy mạnh, khuyến khích phát triển khai thác hải sản xa bờ gắn với bảo vệ và phát triển nguồn lợi thủy sản, bảo vệ chủ quyền biển đảo; nâng cao hiệu quả khai thác xa bờ thông qua đầu tư mới và nâng cấp tàu cá, hiện đại hóa trang thiết bị chế biến, bảo quản trên tàu nhằm giảm tổn thất sau thu hoạch, tăng tỷ trọng các sản phẩm chế biến sâu có giá trị gia tăng cao; tổ chức lại sản xuất trên biển theo mô hình hợp tác, liên kết chuỗi giữa khai thác - cung ứng dịch vụ hậu cần. Giảm khai thác thủy sản nội đồng, vùng cửa sông và hải sản gần bờ nhằm tái tạo lại nguồn lợi thủy sản.

4. Lâm nghiệp

Triển khai thực hiện Dự án đầu tư trồng rừng phòng hộ ven biển, ứng phó với biến đổi khí hậu giai đoạn 2021-2025 và trồng rừng thay thế; hoàn thành kế hoạch trồng rừng tập trung theo kế hoạch. Tăng cường công tác quản lý nhà nước về rừng và đất lâm nghiệp, triển khai tốt Chỉ thị số 13-CT/TW ngày 12/01/2017 của Ban Bí Thư về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng; tiếp tục tuyên truyền, tập huấn về phòng cháy, chữa cháy rừng, Luật Lâm nghiệp và các văn bản có liên quan cho các tổ chức, cá nhân nhận khoán, cộng đồng dân cư sống gần rừng nâng cao ý thức về vai trò, tầm quan trọng và lợi ích của rừng; phân công cán bộ trực và chuẩn bị sẵn sàng phương tiện chữa cháy, trang thiết bị cần thiết phục vụ cho công tác phòng cháy chữa cháy rừng đảm bảo không để xảy ra cháy rừng; tăng cường tuần tra bảo vệ rừng, kiểm soát lâm sản và quản lý động vật hoang dã, ngăn chặn và xử lý kịp thời các trường hợp vi phạm.

Quản lý, sử dụng bền vững, hiệu quả rừng phòng hộ; bảo tồn đa dạng sinh học, bảo vệ cảnh quan, môi trường sinh thái; phát triển mô hình nông, lâm, ngư kết hợp.

Tiếp tục tổ chức triển khai thực hiện tiếp Kế hoạch số 84/KH-UBND ngày 20/9/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh về trồng rừng, trồng cây xanh phân tán trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2021 – 2025; tiếp tục hướng dẫn chuyên mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác cho các dự án trên địa bàn tỉnh; xây dựng phương án phòng cháy, chữa cháy rừng trong mùa khô cuối năm 2023 đầu năm 2024, tuyệt đối không để xảy ra cháy rừng.

Tiếp tục tạo điều kiện thuận lợi để các tổ chức, cá nhân, hộ gia đình tham gia đầu tư trồng rừng và phát triển du lịch sinh thái rừng. Nâng cao năng lực, trách nhiệm của chính quyền các cấp trong công tác bảo vệ rừng.

5. Phát triển nông thôn

Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới: Tham mưu tổ triển khai thực hiện tốt kế hoạch xây dựng NTM năm 2023; tổ chức bỏ phiếu công nhận và thẩm định xã nông thôn mới và xã nông thôn mới nâng cao theo kế hoạch. Thành lập đoàn kiểm tra kết quả thực hiện Chương trình MTQG xây dựng NTM, NTM nâng cao, kiểu mẫu các xã đăng ký năm 2023; kiểm tra, rà soát các tiêu chí huyện NTM, huyện NTM nâng cao; phối hợp sở, ngành, Ban Chỉ đạo các huyện rà soát, đánh giá, kiểm tra, đôn đốc đẩy nhanh tiến độ thực hiện các tiêu chí NTM, NTM nâng cao, kiểu mẫu trên địa bàn tỉnh; hướng dẫn trình tự, thủ tục, hồ sơ xét công nhận xã NTM, NTM nâng cao, NTM kiểu mẫu. Trình Ủy ban nhân dân tỉnh trình Thủ tướng công nhận huyện Trà Cú đạt chuẩn huyện NTM, huyện Cầu Kè đạt chuẩn huyện NTM nâng cao; ban hành kế hoạch tăng cường bảo vệ môi trường, an toàn thực phẩm và cấp nước sạch nông thôn trong xây dựng NTM giai đoạn 2021 – 2025.

Kinh tế hợp tác: Phối hợp với các huyện, thị xã, thành phố hỗ trợ thành lập mới, củng cố các HTX, tổ hợp tác theo yêu cầu của địa phương; tổ chức; tiếp tục phối hợp với Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hỗ trợ HTX xây dựng dự án liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị. Tổ chức sơ kết 05 năm thực hiện Nghị quyết số 78/2018/NQ-HĐND ngày 07/12/2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh.

Ngành nghề nông thôn và Chương trình OCOP: Tổ chức các lớp đào tạo, tập huấn nâng cao năng lực cán bộ và chủ thể tham gia Chương trình OCOP, in tem truy suất nguồn gốc sản phẩm; tham gia hoạt động xúc tiến thương mại, hội chợ nông nghiệp; tiếp nhận hồ sơ tham gia đánh giá, phân hạng sản phẩm OCOP năm 2023 do địa phương đăng ký tham gia (sản phẩm OCOP đạt từ 4 sao trở lên), tổ chức đánh giá phân hạng sản phẩm và trình cấp thẩm quyền phê duyệt kết quả đánh giá, phân hạng sản phẩm. Tiếp tục phối hợp với phòng Nông nghiệp và PTNT các huyện; Phòng Kinh tế thị xã, thành phố hỗ trợ thủ tục, hồ sơ thực hiện Chính sách hỗ trợ Chương trình OCOP năm 2023; triển khai thực hiện Mô hình xây dựng chuỗi giá trị sản phẩm OCOP Mật Hoa dứa.

Nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn: Duy trì hoạt động cấp nước tại 113 trạm cấp nước do ngành quản lý và tiếp tục lắp đặt đồng hồ nước mới cho

người dân; thi công hoàn thành Công trình đầu tư nâng cấp, mở rộng trạm cấp nước xã Long Sơn, huyện Cầu Ngang; phối hợp Trung tâm Quốc gia Nước sạch và Vệ sinh môi trường nông thôn hoàn chỉnh thủ tục triển khai Dự án công trình trữ nước và hệ thống cấp nước sinh hoạt tại các vùng khan hiếm nước, vùng bị ảnh hưởng xâm nhập mặn trên địa bàn tỉnh, phấn đấu cuối năm có 99,8% tỷ lệ dân số nông thôn sử dụng nước hợp vệ sinh (trong đó nước sạch 79,2%).

6. Xây dựng cơ bản, công tác thủy lợi và phòng chống thiên tai

Tiếp tục đôn đốc các địa phương khẩn trương hoàn thành công tác thủy lợi nội đồng năm 2023, đồng thời, xây dựng kế hoạch thủy lợi nội đồng năm 2024; trực vớt lục bình để khơi thông dòng chảy; tiếp tục triển khai Luật Thủy lợi và các văn bản dưới luật có liên quan; đổi mới, nâng cao hiệu quả hoạt động các công trình thủy lợi, củng cố, tăng cường năng lực phòng, chống thiên tai.

Triển khai thực hiện các công trình duy tu, bảo dưỡng đê điều; Thường xuyên kiểm tra các tuyến đê, kè bảo vệ bờ biển để tham mưu, đề xuất xử lý kịp thời khi có sự cố xảy ra; xây dựng kế hoạch phòng chống hạn, hạn xâm nhập mặn mùa khô 2023 -2024; phòng, chống thiên tai năm 2023.

Tập trung triển khai, kiểm tra, giám sát và đẩy nhanh tiến độ thi công các công trình thủy lợi, đê kè phục vụ sản xuất, dân sinh, phấn đấu giải ngân 100% nguồn vốn được phân bổ. Đồng thời, triển khai thực hiện nhanh các công trình thủy lợi thuộc nguồn vốn hỗ trợ sản phẩm công ích thủy lợi năm 2023.

7. Công tác chuyên môn

Tổ chức tập huấn chuyên giao khoa học kỹ thuật trên các lĩnh vực trồng trọt, chăn nuôi, thủy sản và trực tiếp tư vấn kỹ thuật sản xuất cho người dân; tiếp tục triển khai và theo dõi các mô hình khuyến nông thuộc các nguồn vốn sự nghiệp, Khuyến nông Quốc gia và dự án; phối hợp Đài Phát thanh - Truyền hình Trà Vinh thực hiện các phóng sự, tọa đàm, chuyên mục và bản tin thời sự về công tác khuyến nông. Đổi mới công tác khuyến nông, khuyến khích tối đa các doanh nghiệp đầu tư ứng dụng và chuyển giao khoa học kỹ thuật phù hợp với cơ chế thị trường và đầu tư phát triển các khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao; đẩy mạnh ứng dụng công nghệ cao, công nghệ sinh học, công nghệ hữu cơ, công nghệ số, công nghệ thông tin trong toàn bộ các khâu của chuỗi giá trị, kết nối đồng bộ với các ngành, lĩnh vực khác để hình thành nền sản xuất nông nghiệp thông minh, sử dụng hiệu quả nguồn tài nguyên, lao động, nâng cao giá trị gia tăng, sức cạnh tranh và phát triển bền vững của ngành.

Tiếp tục triển khai thực hiện có hiệu quả Quyết định số 2903/QĐ-UBND ngày 07/8/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt Chương trình Quản lý chất lượng, ATTP nông sản, thủy sản giai đoạn 2021-2025; tổ chức các lớp tập huấn kiến thức quản lý an toàn thực phẩm nông lâm thủy sản cho các cơ sở sản xuất, kinh doanh và người tiêu dùng; sửa chữa, lắp đặt mới Pano tuyên truyền về ATTP nông lâm thủy sản; thông tin kịp thời kết quả giám sát về ATTP nông lâm thủy sản trên Đài Truyền hình; thực hiện Chương trình giám sát, vệ sinh an toàn thực phẩm trong thu hoạch nhuyễn thể hai mảnh vỏ và Chương trình giám sát du

lượng chất độc hại trong động vật và sản phẩm động vật thủy sản nuôi trên địa bàn tỉnh; thực hiện thanh, kiểm tra chuyên ngành ATTP, đồng thời thu mẫu sản phẩm để phân tích, kiểm nghiệm các chỉ tiêu chất lượng và ATTP; thẩm định điều kiện ATTP và xác nhận kiến thức ATTP cho các cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản đăng ký; hướng dẫn việc thực hiện các tiêu chí ATTP đối với các xã đăng ký nông thôn mới và nông thôn mới nâng cao năm 2023. Thực hiện tốt các chương trình phối hợp, vận động sản xuất kinh doanh nông sản an toàn, giám sát đảm bảo ATTP, trọng điểm là các hộ sản xuất nhỏ lẻ, mô hình “*Mỗi xã một sản phẩm*”. Nhân rộng các chuỗi cung ứng thực phẩm nông, lâm, thủy sản an toàn gắn với truy xuất nguồn gốc, quảng bá sản phẩm. Thực hiện tốt việc phân cấp giữa các ngành và địa phương trong việc quản lý chất lượng và an toàn thực phẩm.

Tiếp tục sản xuất, điều tiết và cung ứng giống cây trồng, giống vật nuôi đảm bảo chất lượng cung ứng cho nông dân trên địa bàn tỉnh.

Quản lý tốt tàu thuyền và xe ra vào cảng cá, đồng thời tổ chức thu dịch vụ sử dụng cảng đúng qui định; phối hợp các địa phương theo dõi diễn biến thời tiết biển thông tin kịp thời cho ngư dân trong việc phòng, tránh trú bão.

Tổ chức thanh tra, kiểm tra việc chấp hành các quy định của pháp luật về sản xuất, kinh doanh vật tư nông nghiệp, an toàn thực phẩm, kiểm soát giết mổ, kiểm dịch động vật, các hộ kinh doanh, buôn bán gỗ và các lâm sản khác, kết hợp thu các mẫu sản phẩm, hàng hóa để phân tích, kiểm tra chất lượng; tăng cường công tác phối hợp với Công an tỉnh, Bộ đội Biên phòng tỉnh, Sở Y Tế, Sở Công Thương, Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Khoa học và Công nghệ trong công tác thanh tra chuyên ngành. Thực hiện đồng bộ các giải pháp nâng cao hiệu quả công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo; thực hiện nghiêm trách nhiệm tiếp công dân của người đứng đầu. Tiếp nhận, giải quyết kịp thời và công khai kết quả giải quyết phản ánh, kiến nghị của người dân và doanh nghiệp.

Trên đây là báo cáo sơ kết công tác 6 tháng đầu năm và kế hoạch công tác 6 tháng cuối năm 2023 của ngành, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn yêu cầu các phòng, ban, đơn vị trực thuộc Sở, phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn các huyện, phòng Kinh tế thị xã, thành phố căn cứ chức năng, nhiệm vụ xây dựng kế hoạch cụ thể cho đơn vị, địa phương mình tổ chức quán triệt trong nội bộ và tập trung chỉ đạo triển khai thực hiện để đạt kết quả cao nhất./.

Nơi nhận:

- Bộ NN-PTNT;
- TT. Tỉnh ủy;
- TT. HĐND, UBND tỉnh;
- Sở KH-ĐT, Cục Thống kê;
- GD, các PGĐ Sở;
- Các phòng, đơn vị thuộc Sở;
- Phòng NN và PTNT các huyện, TX, TP;
- Lưu: VT, VP.

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Trần Văn Dũng

BÁO CÁO SẢN XUẤT NÔNG, LÂM, DIÊM NGHIỆP VÀ THỦY SẢN
ƯỚC TÍNH 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2023
 (Ước tính đến ngày 15/6/2023)

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện cùng kỳ	Năm 2023				So sánh	
				Kế hoạch	Ước TH tháng 6	Ước TH 6 tháng	Ước cả năm	Cùng kỳ	Kế hoạch
A	Giá trị sản xuất (giá SS 2010)	Tỷ đồng	12.348	30.150		12.362	30.454	100,11	41,00
a	Giá trị SX nông nghiệp	"	7.922	18.158		7.840	18.204	98,96	43,18
	- Trồng trọt	"	5.602	12.623		5.548	12.678	99,03	43,95
	- Chăn nuôi	"	1.710	3.955		1.740	3.940	101,78	44,01
	- Dịch vụ	"	610	1.580		552	1.586	90,42	34,94
b	Giá trị lâm nghiệp	"	135	270		135	270	99,67	50,01
c	Giá trị sản xuất thủy sản	"	4.290	11.722		4.387	11.980	102,26	37,42
	- Khai thác hải sản	"	456	1.077		482	1.083	105,62	44,77
	- Khai thác nội đồng	"	90	160		64	155	70,58	39,76
	- Nuôi trồng thủy sản	"	3.743	10.485		3.841	10.742	102,61	36,64
B	SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP								
	TRỒNG TRỌT								
	Cây hàng năm								
	Tổng DT gieo trồng	Ha	167.207	240.285	50.211	165.487	251.520	98,97	68,87
	Tổng sản lượng	tấn	1.116.595	2.464.302	187.989	1.131.523	2.570.473	101,34	45,92
	Cây lương thực có hạt	Ha	136.451	191.400	46.750	133.918	203.221	98,14	69,97
1.	Cây lúa	Ha	133.969	187.700	46.583	131.389	199.421	98,07	70,00
	Sản lượng	tấn	416.688	1.065.150	-	388.862	1.110.141	93,32	36,51
b	Vụ mùa								
	- Diện tích xuống giống	ha	1.090			1.142	1.142	104,79	
	- Diện tích thu hoạch	Ha	1.090			1.142	1.142	104,79	
	- Năng suất	Tạ/ha	47,78			44,21	44,21	92,53	
	- Sản lượng	tấn	5.206			5.048	5.048	96,97	
c	Đông Xuân								
	- Diện tích xuống giống	ha	63.326	51.700		62.059	62.059	98,00	120,04
	- Diện tích thu hoạch	Ha	63.311	51.700		62.059	62.059	98,02	120,04
	- Năng suất	Tạ/ha	64,99	67,00		61,85	61,85	95,16	92,31
	- Sản lượng	tấn	411.482	346.390		383.814	383.814	93,28	110,80

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện cùng kỳ	Năm 2023				So sánh	
				Kế hoạch	Ước TH tháng 6	Ước TH 6 tháng	Ước cả năm	Cùng kỳ	Kế hoạch
d	Hè Thu								
	- Diện tích	ha	69.554	68.000	46.583	68.188	68.220	98,04	100,28
	- Năng suất	Tạ/ha		52,50			52,70		
	- Sản lượng	tấn		357.000			359.519		
e	Thu Đông								
	- Diện tích	ha		68.000			68.000		
	- Năng suất	Tạ/ha		53,20			53,20		
	- Sản lượng	tấn		361.760			361.760		
2.	Cây màu								
	Diện tích gieo trồng	Ha	33.238	52.585	3.628	34.098	52.100	102,59	64,84
	Diện tích thu hoạch	Ha	25.743	52.585	5.738	26.496	52.100	102,92	50,39
	Sản lượng thu hoạch	tấn	699.907	1.399.152	187.989	742.661	1.460.332	106,11	53,08
a	Màu lương thực	Ha	3.761	5.970	308	3.823	5.605	101,65	64,03
	Cây bắp								
	+ Diện tích gieo trồng	Ha	2.481,4	3.700	167	2.529,8	3.800	101,95	68,37
	+ Diện tích thu hoạch	"	2.156,6	3.700	745	2.213,5	3.800	102,64	59,82
	+ Năng suất	Tạ/ha	59,93	55,50	61,33	59,85	6,00	99,86	107,84
	+ Sản lượng	Tấn	12.926	20.535	4.570	13.248	22.800	102,49	64,51
	Khoai lang								
	+ Diện tích gieo trồng	Ha	745,00	1.300	89	808,50	1.320	108,52	62,19
	+ Diện tích thu hoạch	"	592,50	1.300	270	653,00	1.320	110,21	50,23
	+ Năng suất	Tạ/ha	179,31	168,90	166,86	174,42	17,50	97,28	103,27
	+ Sản lượng	Tấn	10.624	21.957	4.511	11.390	23.100	107,21	51,87
	Khoai mì								
	+ Diện tích gieo trồng	Ha	329	570	29	291	291	88,45	51,05
	+ Diện tích thu hoạch	"	251,50	570	136	227,70	291	90,54	39,95
	+ Năng suất	Tạ/ha	160,84	192,11	202,86	186,10	19,20	115,71	96,87
	+ Sản lượng	Tấn	4.045	10.950	2.762	4.237	5.587	104,76	38,70
	Cây có củ khác								
	+ Diện tích gieo trồng	Ha	205	400	22	194	194	94,25	48,38
	+ Diện tích thu hoạch	"	159,00	400	54	149,60	194	94,09	37,40
	+ Năng suất	Tạ/ha	170,74	174,38	205,32	175,10	175,10	102,56	100,42

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện cùng kỳ	Năm 2023				So sánh	
				Kế hoạch	Ước TH tháng 6	Ước TH 6 tháng	Ước cả năm	Cùng kỳ	Kế hoạch
	+ Sản lượng	Tấn	2.715	6.975	1.115	2.619	2.619	96,49	37,56
b	Cây thực phẩm	Ha	18.395	32.575	2.577	18.653	30.125	101,41	57,26
	Rau các loại								
	+ DT gieo trồng	Ha	18.024	32.100	2.512	18.260	29.650	101,31	56,89
	+ Diện tích thu hoạch	"	13.029	32.100	1.391	13.216	29.650	101,43	41,17
	+ Năng suất	Tạ/ha	233,56	226,10	261,14	234,80	23,50	100,53	103,85
	+ Sản lượng	Tấn	304.311	725.781	36.335	310.307	696.775	101,97	42,75
	Đậu các loại								
	+ DT gieo trồng	Ha	371	475	66	393	475	106,09	82,77
	+ Diện tích thu hoạch	"	265	475	166	283	475	106,62	59,52
	+ Năng suất	Tạ/ha	20,69	21,05	24,18	22,00	2,21	106,34	104,50
	+ Sản lượng	Tấn	549	1.000	402	622	1.050	113,38	62,20
c	Cây công nghiệp hàng năm		11.083	14.040	743	11.622	16.370	104,87	82,78
	Đậu phộng								
	+ Diện tích gieo trồng	Ha	3.740	4.420	187	3.819	4.500	102,14	86,41
	+ Diện tích thu hoạch	"	3.394	4.420	981	3.431	4.500	101,07	77,61
	+ Năng suất	Tạ/ha	50,42	52,40	41,38	50,48	5,45	100,13	96,33
	+ Sản lượng	Tấn	17.113	23.161	4.058	17.317	24.525	101,19	74,77
	Mía								
	+ Diện tích trồng	Ha	1.214	1.300	140	1.329	1.350	109,49	102,24
	+ Diện tích thu hoạch	"	849	1.300	434	931	1.350	109,69	71,64
	+ Năng suất	Tạ/ha	985,66	978,20	1.075,33	1.015,52	100,00	103,03	103,81
	+ Sản lượng	Tấn	83.682	127.166	46.648	94.575	135.000	113,02	74,37
	Cây lác (cói)								
	+ Diện tích gieo trồng	Ha	1.553	2.570	93	1.525	2.570	98,16	59,33
	+ Diện tích thu hoạch	"	1.264	2.570	249	1.228	2.570	97,17	47,78
	+ Năng suất	Tạ/ha	127,61	118,20	163,99	126,4	12,50	99,04	106,93
	+ Sản lượng	Tấn	16.128	30.377	4.090	15.520	32.125	96,23	51,09
	Cây trồng khác								
	+ Diện tích gieo trồng	ha	4.576	5.750	323	4.949	7.950	108,15	86,07
	+ Diện tích thu hoạch	ha	3.782	5.750	1.311	4.164	7.950	110,09	72,42
	+ Sản lượng	Tấn	247.815	431.250	83.497	272.825	516.750	110,09	63,26

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện cùng kỳ	Năm 2023				So sánh	
				Kế hoạch	Ước TH tháng 6	Ước TH 6 tháng	Ước cả năm	Cùng kỳ	Kế hoạch
3	Cây lâu năm								
	Diện tích	ha	43.578	44.200		44.530	44.700	102,18	100,75
	Sản lượng	tấn	322.425	712.783		336.458	720.800	104,35	47,20
	- Cây dứa								
	+ Diện tích	ha	25.356	25.600		26.080	26.100	102,86	101,88
	+ Sản lượng	tấn	158.117	371.349		167.107	372.500	105,69	45,00
	- Cây ăn quả								
	+ Diện tích	ha	18.222	18.600		18.450	18.600	101,25	99,19
	+ Sản lượng	tấn	164.308	341.434		169.351	348.300	103,07	49,60
II	CHĂN NUÔI								
	- Tổng đàn bò	con	244.836	245.000		255.000	255.000	104,15	104,08
	- Tổng đàn lợn	con	242.846	280.000		284.000	278.000	116,95	101,43
	- Tổng đàn dê	con	23.187	22.000		23.400	22.000	100,92	106,36
	- Tổng đàn gia cầm	ngàn con	7.510	7.800		7.200	7.500	95,87	92,31
C	LÂM NGHIỆP								
	- DT rừng trồng tập trung	Ha	15	50		10	50	66,67	
	- Chăm sóc rừng	Ha	310	116		116	116	37,42	
	- DT giao khoán bảo vệ	Ha	3.435	3.490		3.490	3.490	101,60	
D	THỦY SẢN								
1.	Tổng diện tích nuôi	Ha	42.802	52.100	6.195	43.604	54.700	101,87	83,69
1.1	Nuôi nước ngọt	"	1.673	3.500	631	1.856	3.850	110,91	53,01
	- Diện tích nuôi cá	"	717	2.000	523	843	2.350	117,50	42,13
	Trong đó: + Cá tra, cá ba sa	"	12	50	6	16	35	133,33	32,00
	+ Cá lóc	"	172	480	117	212	300	122,97	44,06
	- Diện tích nuôi giáp xác	"	956	1.500	108	1.013	1.500	105,96	67,53
	Trong đó: tôm càng xanh	"	956	1.500	108	1.013	1.500	105,96	67,53
	- Diện tích nuôi khác	"							
1.2.	Nuôi nước mặn, lợ	Ha	41.129	48.600	5.564	41.748	50.850	101,51	85,90
	- Diện tích nuôi cá	"							
	Trong đó: + cá giò, cá song	"							
	+ ...	"							
	- Diện tích nuôi giáp xác	"	40.579	47.800	5.564	41.511	50.050	102,30	86,84